

Bản án số: 52/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tửu
bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 827/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3709/2024/QĐPT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Quang H, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: P Tầng E, Tòa nhà T, số A H, phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: 017 Lô B T, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Tô H, khu phố A, T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trịnh Văn H1 – Công ty L (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành P – Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Minh H2 - Phó Chủ tịch (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2023) (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ: Ông Nguyễn Thanh T – Viên chức BQL dự án Đầu tư và Xây dựng huyện (có mặt).

2.3. Chủ tịch UBND tỉnh L (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh L: Ông Trần Thanh S – Phó Trưởng phòng quản lý đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Trần Quang H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Quang H ngày 16/8/2023 có đơn khởi kiện và tại các đơn khởi kiện bổ sung trình bày như sau:

Ông Trần Quang H người sử dụng tổng diện tích là 22.730m² tại khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Long An. Gồm: Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 10.352m²; Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.122m²; Thửa đất số 12, 13, 14; tờ bản đồ số 3, diện tích 10.256m² theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ cấp.

Ngày 22/8/2022 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3623/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Quang H diện tích 8.831m² trong tổng số 22.730m² để thực hiện dự án làm đường ĐT.823D trục mở mới T kết nối Long An - Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt dự án làm đường ĐT.823D), gồm các thửa đất: Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4, bị thu hồi 5.718m² - mục đích sử dụng: Đất trồng lúa; Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 4, bị thu hồi 1.978m² - mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 3, bị thu hồi 840m² - mục đích sử dụng đất: Đất nông nghiệp; Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 3, bị thu hồi 192m² - mục đích sử dụng đất: Đất nông nghiệp và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 3, bị thu hồi 103m² - mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp.

Ông Trần Quang H cho rằng, việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi đất 3623 nêu trên là trái quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất, nội dung của Quyết định thu hồi đất 3623 là trái quy định pháp luật: không đúng điểm đ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2014/TT-BTNMT. Theo Mẫu số 10, trước phần căn cứ và dưới chữ “QUYẾT ĐỊNH” cơ quan thu hồi đất phải ghi rõ mục đích thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 64 hoặc Điều 65 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, Quyết định thu hồi đất 3623 của UBND huyện Đ không ghi mục đích thu hồi đất tại vị trí nêu trên. Quyết định thu hồi đất 3623 không thể hiện việc thu hồi đất căn cứ dựa trên kế hoạch sử dụng đất hàng năm nào của huyện Đ được phê duyệt bởi HĐND, UBND tỉnh L. Điều 2, Điều 3 của Quyết định ghi không đầy đủ cũng là trái với quy định theo Mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư 33.

Thứ hai, việc UBND huyện Đ thu hồi 8.831m² đất của ông H là trái quy định pháp luật về đất đai như sau:

Theo thông tin tại Bảng thông báo thông tin Dự án, thể hiện dự án ĐT.823D có mặt đường 06 làn xe rộng 25m, nền đường rộng 40m (bao gồm cả mặt đường 06 làn xe vỉa hè 2 bên, và vỉa hè 2 bên) tức mặt cắt ngang toàn bộ đường ĐT.823D bao gồm cả lòng đường và vỉa hè 2 bên là 40m. Tuy nhiên, theo Quyết định thu hồi đất 3623, UBND huyện Đ lại tiến hành cắm cọc ranh giới thu hồi phần diện tích đất của ông H tương ứng với mặt cắt ngang lên đến 80m. Lãnh đạo cũng như các công chức viên chức thuộc UBND, Ban Quản lý xây dựng các dự án huyện Đ không trả lời vì sao và cũng không nhận được văn bản pháp lý nào từ các cơ quan này. Ngày 21/7/2023 đối thoại về việc giải quyết khiếu nại lần 2 khiếu nại Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND Huyện Đ đối với ông Trần Quang H do Thanh tra tỉnh Long An tổ chức, ông Trương Hòa B - Chánh Thanh tra huyện Đ lại trả lời là hiện chưa có quy hoạch chi tiết, chưa có kế hoạch sử dụng đất đối với phần đất 40m mặt cắt ngang thu thêm.

Dự án làm đường ĐT 823D là dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bắt buộc phải do Hội đồng nhân dân tỉnh L chấp thuận theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, một trong những căn cứ để UBND huyện Đ thu hồi đất là phải dựa trên kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Đ đã được HĐND, UBND tỉnh L phê duyệt nhưng thực tế UBND huyện Đ chưa có kế hoạch sử dụng, quy hoạch chi tiết đối với 40m đất mặt cắt ngang thu hồi thêm (40m đất mặt cắt ngang thu hồi thêm là không phải thu hồi đất để làm đường ĐT.823D), UBND huyện Đ lại tự ý thu hồi thêm 40m đất mặt cắt ngang là trái với chính Khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai năm 2013, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi đáng, hợp pháp của người dân nói chung và của gia đình ông H nói riêng. UBND huyện Đ không đảm bảo trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện Đ không tổ chức lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng không tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi. Ông H không được mời đến cuộc họp cũng không được cơ quan, tổ chức nào tiến hành lấy ý kiến về phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi ra quyết định thu hồi đất. UBND huyện Đ vẫn ban hành ngay quyết định thu hồi đất là trái quy định của pháp luật về đất đai, không đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất.

Ông Trần Quang H làm đơn khởi kiện yêu cầu: hủy toàn bộ Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Trần Quang H, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/11/2023 ông Trần Quang H bổ sung:

Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H với tổng số tiền là 26.380.194.375đ. Theo Bảng chiết tính số 35 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đã áp đơn giá bồi thường như sau: Diện tích 1.978m² đất ở tại đô thị (50m đầu có vị trí tiếp giáp đường), với đơn giá bồi thường là: 4.582.200đ/m². Diện tích 4.120m² đất nông nghiệp (50m đầu có vị trí tiếp giáp đường; hoặc 50m đầu không có vị trí tiếp giáp đường nhưng cùng chủ với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường), với đơn giá bồi thường là: 3.362.100đ/m²; và diện tích 2.733m² đất nông nghiệp (bên trong), với đơn giá bồi thường là: 849.045đ/m².

Ngày 16/11/2022 ông H đã làm Đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện Đ. Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang H (lần đầu) với nội dung giữ nguyên Quyết định bồi thường 3944; Bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định bồi thường 3944, yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 10.000.000đ/m² đối với diện tích đất thu hồi khoảng 8.831m².

Ngày 19/4/2023 ông H tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh L.

Ngày 03/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 7002/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Quang H với nội dung không chấp nhận Đơn khiếu nại, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang H. Đến ngày 05/8/2023 ông H nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

Ông Trần Quang H cho rằng, việc Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung như nêu trên là trái quy định của pháp luật theo điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện theo Mẫu số 16 ban hành kèm Nghị định số 124/2020/NĐ-CP. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, tại phần Kết luận, mục Căn cứ pháp lý thì hoàn toàn không viện dẫn điều khoản của các văn bản pháp luật nào để làm cơ sở kết luận cho từng nội dung khiếu nại là trái. Việc Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai không chấp nhận Đơn khiếu nại của ông H, công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu cũng là trái luật, cụ thể là *không có căn cứ để UBND Huyện Đ áp đặt đơn giá bồi thường theo Quyết định*

bồi thường 3944 và Bảng chiết tính 35 đối với 40m mặt cắt ngang chạy dọc 2 bên đường ĐT.823D, tương ứng 4.415,5m² đất của ông H bị UBND huyện Đ thu hồi thêm nhưng không dùng để làm đường ĐT.823D.

Vì UBND tỉnh L và UBND huyện Đ không đưa ra được căn cứ pháp lý để thực hiện theo chủ trương đòi đất lấy hạ tầng đối với Dự án này và cũng không làm rõ được bản chất pháp lý chủ trương đòi đất lấy hạ tầng cụ thể là như thế nào. Vì vậy đối với phần đất 40m mặt cắt ngang chạy dọc hai bên đường ĐT.823D (mỗi bên có 20m mặt cắt ngang) tương ứng 4.415,5m² đất của ông H bị UBND huyện Đ thu hồi thêm, hiện vẫn chưa có quy hoạch chi tiết, chưa có kế hoạch sử dụng đất, hoàn toàn không nằm trong Dự án đường ĐT.823D, nhưng UBND huyện Đ vẫn có tình ban hành Quyết định bồi thường 3944 quyết định bồi thường đối với phần đất 40m mặt cắt ngang chạy dọc hai bên vỉa hè đường ĐT.823D tương ứng 4.415,5m² đất của ông H bị thu hồi theo đơn giá do nhà nước phê duyệt của Dự án đường ĐT.823D là hoàn toàn trái quy định khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D (đối với phần đất 40m mặt cắt ngang bị UBND huyện Đ thu hồi để làm đường ĐT.823D) để làm căn cứ ban hành Quyết định bồi thường 3944 là trái quy định của pháp luật theo quy định điểm a khoản 3 Điều 69, điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Ông H hoàn toàn không nhận được và cũng không biết được nội dung của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án này. Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định bồi thường 3944 trái quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp chính đáng của gia đình ông H.

Về đơn giá bồi thường cho 40m mặt cắt ngang làm đường ĐT.823D được quy định trong Bảng chiết tính 35 được đính kèm theo Quyết định bồi thường 3944 là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, giá đất được áp dụng để bồi thường là giá đất cụ thể do UBND cấp tỉnh là UBND tỉnh L quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, bảng giá đất là căn cứ dùng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, khi UBND Tỉnh L quyết định giá đất bồi thường cụ thể của Dự án này, thì bắt buộc phải dựa trên nguyên tắc, phương pháp định giá đất được quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013, và dựa trên phương pháp định giá đất quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường; về nguyên tắc, phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 thì phải đảm bảo phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng.

Hiện nay, giá đất tại cùng khu vực đất của ông H tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An bị thu hồi thực hiện Dự án này, đã có giá thấp nhất là

10.000.000đ/m² không phân biệt mục đích sử dụng đất. Như vậy, đơn giá mà UBND huyện Đ áp đặt bồi thường cho ông H như nêu trên là quá thấp và không đúng với nguyên tắc định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND huyện Đ khẳng định rằng: “Ngày 05/12/2022, UBND tỉnh L có Quyết định số 11461/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ tại Điều 1 Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng ĐT.823D... Cụ thể điều chỉnh lại giá đất tiếp giáp đường giao thông bê tông, đá xanh, sỏi đỏ có nền đường ≥ 3 mét còn lại trong phạm vi 50 mét đầu tiếp giáp đường với đơn giá từ 3.362.100 đồng/m² tăng lên 3.589.950 đồng/m²”. Nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND huyện Đ vẫn giữ nguyên Quyết định bồi thường 3944, bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông H là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của ông H.

Trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh L cũng khẳng định tương tự nội dung trên. Trong khi ngày 24/7/2023 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 4102/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H (“Quyết định bồi thường bổ sung 4102”) và B1 chiết tính bổ sung kèm theo, với nội dung bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H với số tiền là: 1.764.388.500đ.

Như vậy, trước khi Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh L đã biết được UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định bồi thường bổ sung 4102, với nội dung quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H với số tiền là: 1.764.388.500đ nhưng Chủ tịch UBND tỉnh L vẫn cố tình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, bác đơn khiếu nại của ông H. Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ là trái luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi chính đáng của ông H.

Ông Trần Quang H khẳng định Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ, với nội dung giữ nguyên Quyết định bồi thường 3944, bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định bồi thường 3944 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai Chủ tịch UBND tỉnh L, với nội dung bác đơn khiếu nại của ông H, công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ cũng là hoàn toàn trái luật, xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của ông H.

Ông H làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Hủy toàn bộ Quyết định số 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Quang H.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2023 ông Trần Quang H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: (i) Hủy toàn bộ Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H; (ii) hủy toàn bộ Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H; (iii) hủy toàn bộ Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang H nhằm giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Tại biên bản đối thoại ngày 20/5/2024, người đại diện cho ông Trần Quang H kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất số 3626/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ. Lý do đưa ra là Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ là trái pháp luật. Nội dung đã trình bày tại các đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung là việc thu hồi đất cũng như bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có đất vị thu hồi. Việc thu hồi mặt cắt ngang 80m thay vì 40m như kế hoạch được duyệt là không đúng đến việc áp giá đền bù không hợp lý trong khi UBND huyện Đ chưa có kế hoạch sử dụng đất được được HĐND, UBND tỉnh duyệt lại thu hồi thêm 40m đất mặt cắt ngang không phải để làm đường là trái khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

Người bị kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ có ý kiến tại Văn bản số 5767/UBND-NC ngày 19/4/2023 như sau:

Qua xem xét nội dung khởi kiện và trên cơ sở Báo cáo số: 720/BC-BQLDA ngày 15/4/2024 của Ban Q. Ủy ban Nhân dân huyện Đ có ý kiến đối với vụ án hành chính nêu trên như sau:

- 1. Các văn bản pháp lý để tổ chức thực hiện dự án: (có phụ lục đính kèm).*
- 2. Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Quang H:*

- Ngày 21/12/2021, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Văn bản số: 1760/TTg-NN về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D - Trục mở mới T kết nối Long An - Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đây gọi dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D.

- Nghị Quyết số: 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2020 của HĐND tỉnh L về chủ trương đầu tư dự án ĐT.823D.

- Nghị Quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của HĐND tỉnh L về việc thông qua bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích khác và danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Long An.

- Nghị Quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của HĐND tỉnh L về việc thông qua cập nhật danh mục quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Long An.

- Nghị Quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của HĐND tỉnh L về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án ĐT.823D.

- Nghị Quyết số: 65/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh L về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D.

- Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh L về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D.

- Quyết định số: 4847/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt dự án ĐT.823D.

- Quyết định số: 3157/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng ĐT.823D.

- Quyết định số: 4065/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt chủ trương và phạm vi giải phóng mặt bằng dự án ĐT.823D huyện Đ.

- Quyết định số: 4561/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt cập nhật danh mục Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đ.

- Quyết định số: 9671/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh phạm vi giải phóng mặt bằng dự án ĐT.823D (trục mở mới T kết nối Long An - Thành Phố Hồ Chí Minh) huyện Đ.

- Quyết định số: 13078/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D (trục mở mới T kết nối Long An - Thành Phố Hồ Chí Minh).

- Quyết định số: 13706/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đ.

- Quyết định số: 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng thuộc dự án Giải phóng mặt bằng ĐT.823D do Ban Q làm chủ đầu tư qua 04 xã, thị trấn (xã Đ, thị trấn Đ, xã Đ và xã H, huyện Đ, tỉnh Long An).

- Quyết định số: 11461/QĐ-UBND Ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ tại Điều 1 Quyết định số: 4619/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022, của UBND tỉnh L về việc phê hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng ĐT.823D (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q làm chủ đầu tư trên địa bàn thị trấn Đ, xã Đ, xã H, xã Đ, huyện Đ).

- Ngày 22/8/2022, UBND huyện Đ có Quyết định số: 3512/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) dự án giải

phóng mặt bằng Đường T qua xã Đ, xã Đ, xã H và thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ngày 22/8/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3623/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Trần Quang H, tại thửa đất số 03, 01, 14, 13, 12; TĐĐ số 4,3; loại đất ODT, LUA với tổng diện tích 8.831 m², đất tọa lạc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ngày 22/8/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3944/QĐ-UBND về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 26.380.194.375 đồng (bao gồm: đất ở, đất nông nghiệp, nhà ở, công trình, vật kiến trúc và cây trồng).

- Ngày 24/7/2023, UBND huyện Đ có Quyết định số: 9008/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D qua địa bàn thị trấn Đ, xã Đ, xã H và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ngày 24/7/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 4102/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 1.764.388.500 đồng.

- Ngày 18/12/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 8854/QĐ-UBND về việc bố trí nền tái định cư đối với ông (bà) Trần Quang H.

- Ngày 18/12/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 8854/QĐ-UBND về việc bố trí nền tái định cư đối với ông Trần Quang H thuộc dự án Giải phóng mặt bằng ĐT.823D tại lô nền số D, khu P thuộc Khu tái định cư B trên địa bàn thị trấn Đ và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được công bố cho ông Trần Quang H biết.

- Ngày 17/01/2024, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 880/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với ông Trần Quang H, đất tọa lạc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ngày 02/02/2024, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1681/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trần Quang H, đất thuộc dự án ĐT.823D.

3. Quá trình thực hiện các quyết định hành chính và giải quyết khiếu nại:

Ông Trần Quang H không đồng ý nhận tiền và có đơn khiếu nại quyết định hành chính nói trên đến UBND huyện Đ với nội dung: Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 10.000.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi khoảng 8.831m², đất tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc dự án trên.

Ngày 22/3/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3071/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H. Bác

đơn khiếu nại của ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H. Cụ thể, yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 10.000.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi khoảng 8.831m², đất tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thuộc dự án Đường T (Trục mở mới T kết nối Long An - Thành phố Hồ Chí Minh).

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý với nội dung giải quyết, ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số: 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H đến Chủ tịch UBND tỉnh L.

Ngày 03/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 7002/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Quang H, ngụ số A, đường Đ, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Với nội dung:

Bác nội dung đơn của ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số: 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét giải quyết.

Nay ông Trần Quang H khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án Nhân dân tỉnh Long An, với yêu cầu hủy 05 (năm) Quyết định hành chính, gồm: Quyết định của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Trần Quang H; Quyết định của UBND huyện Đ về bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H; Quyết định của UBND huyện Đ về bồi thường bổ sung đối với ông Trần Quang H; Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H và Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Quang H.

4. Đối thoại các nội dung khởi kiện của ông Trần Quang H:

4.1. Ông Trần Quang H yêu cầu hủy Quyết định số: 3623/QĐ-UBND Ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Trần Quang H, đất tọa lạc thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông H cho rằng: Ủy ban nhân dân huyện Đ đã áp dụng không đúng quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Luật Đất đai năm 2013.

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H là trái các quy định pháp luật. Vì UBND huyện Đ đã căn cứ vào:

- Khoản 11, Điều 3 có quy định: “Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai”.

- Điểm a, khoản 1, Điều 16 có quy định: “Nhà nước quyết định thu hồi đất trong các trường hợp... Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”.

- Điều 62 có quy định: “Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng”.

- Điểm a, khoản 2, Điều 66 có quy định: “Thẩm quyền thu hồi đất. Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”.

- Khoản 4, Điều 67 có quy định: “Thông báo thu hồi đất và chấp hành quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất”.

4.2. Ông Trần Quang H yêu cầu hủy Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 26.380.194.375 đồng và Quyết định số: 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Đ về việc bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 1.764.388.500 đồng. Là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì:

- Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như sau: “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”.

- Căn cứ khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 có quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp: Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

- Căn cứ khoản 4, Điều 24 Quyết định số: 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An, có quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng chủ sử dụng nhà đất cụ thể”.

- Ủy ban nhân dân tỉnh L có ban hành Quyết định số: 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng thuộc dự án Giải phóng mặt bằng ĐT.823D (Trục mở mới T kết nối Long An - Thành phố Hồ Chí Minh) do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư qua 04 xã, thị trấn (xã Đ, thị trấn Đ, xã Đ và xã H, huyện Đ, tỉnh Long An) và Quyết định số: 11461/QĐ-UBND Ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ tại Điều 1 Quyết định số: 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L.

- Căn cứ pháp lý trên phù hợp với khoản 2, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và có quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

- Về giá đất, đã có quy định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất, cụ thể như sau: “Căn cứ nguyên tắc định giá đất quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai, phương pháp định giá đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể”.

Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án trên đã áp giá và thẩm định để trình UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 26.380.194.375 đồng và Quyết định số: 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Đ về việc bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông (bà) Trần Quang H, số tiền 1.764.388.500 đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H, sinh năm 1967; Địa chỉ: số A, đường Đ, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 16/11/2022, ông Trần Quang H có đơn khiếu nại Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ.

- Ngày 21/11/2022, UBND huyện có Công văn số: 12881/UBND-TCD về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân, có giao Thanh tra huyện kiểm tra nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Quang H, báo cáo đề xuất UBND huyện xem xét giải quyết theo quy định.

- Ngày 04/01/2023, UBND huyện ban hành Thông báo số: 76/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

- Ngày 04/01/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số: 77/TB-UBND về việc giao nhiệm vụ Thanh tra huyện Đ tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của ông Trần Quang H.

- Ngày 22/3/2023, UBND huyện Đ có ban hành Thông báo số: 1696/TB-UBND kết luận buổi tiếp công dân lệ kỳ ngày 15/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ cùng Tổ đại biểu HĐND tỉnh Long An, đơn vị huyện Đ đối với công dân Trần Quang H.

- Ngày 27/02/2023, Thanh tra huyện có Báo cáo số: 94/BC-TTr Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Trần Quang H, sinh năm 1967; Cư ngụ: số A, đường Đ, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 10/3/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ tiến hành đối thoại với ông Trần Quang H.

- Ngày 22/3/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3071/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

- Quyết định hành chính trên đã giải quyết các nội dung khiếu nại của ông Trần Quang H theo đúng trình tự quy định và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, nên không có cơ sở để xem xét hủy bỏ.

4.4. Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trần Quang H, ngụ số A, đường Đ, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch UBND tỉnh L đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và thẩm quyền giải quyết khiếu nại đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H không có cơ sở pháp lý xem xét chấp nhận được.

4.5. Về nội dung Nhà nước thu hồi đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án: Trong nội dung khởi kiện, ông Trần Quang H cho rằng dự án có chiều ngang là 40 mét và UBND huyện Đ đã tự ý thu hồi thêm đất của ông 4 mét thành 80 mét là xâm phạm đến quyền lợi của ông, không đúng theo quy hoạch.

- Căn cứ văn bản của Thủ tướng Chính phủ, các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh L và các Quyết định của UBND tỉnh L đã nêu phía trên. Thể hiện cấp thẩm quyền đã cho chủ trương phạm vi giải phóng mặt bằng là 80 mét (từ tim thiết kế ra mỗi bên là 40 mét), có cọc giải phóng mặt bằng ngoài hiện trường. Theo đó, UBND huyện Đ đã thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng theo quy định của pháp luật. Nên yêu cầu của ông Trần Quang H là không phù hợp với chủ trương đang triển khai đối với dự án.

5. Ủy ban Nhân dân huyện Đ nhận thấy:

- Các Quyết định hành chính trên được ban hành theo đúng trình tự quy định và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, như đã nêu trên, nên không có cơ sở để xem xét hủy bỏ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H không có cơ sở pháp lý xem xét chấp nhận được.

- Việc khởi kiện vụ án hành chính xuất phát từ việc khiếu nại đơn giá bồi thường quyền sử dụng đất thấp và yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 10.000.000 đồng/m². Tuy nhiên, việc bồi thường và chính sách hỗ trợ đối với ông Trần Quang H đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quyết định hành chính của UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành đối với ông Trần Quang H là có căn cứ, có đủ

cơ sở pháp lý và thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật, đúng nội dung và đúng thẩm quyền, quyết định hành chính đang có hiệu lực pháp luật nên không có cơ sở để hủy bỏ. Đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H, giữ nguyên các Quyết định hành chính của UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L có ý kiến tại Văn bản 1069/UBND-NCTCD ngày 29/01/2024 như sau:

I. Nội dung khởi kiện

Ông Trần Quang H yêu cầu TAND tỉnh Long An hủy Quyết định 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Quang H.

II. Quá trình giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H

1. Nội dung khiếu nại

Ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

2. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

2.1. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Quang H đúng trình tự theo báo cáo của UBND huyện Đ.

2.2. Trình tự, giải quyết khiếu nại lần đầu

Ngày 16/11/2022, ông Trần Quang H có đơn khiếu nại Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H.

Ngày 04/01/2023, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 76/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 10/3/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ tiến hành đối thoại với ông Trần Quang H.

Ngày 23/3/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

2.3. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Qua kiểm tra hiện trạng vị trí đất ông Trần Quang H đang khiếu nại thể hiện như sau: các Thửa đất số 1, 3 tờ bản đồ số 4, thị trấn Đ, có tiếp giáp với đường đá xanh $\geq 3m$; các Thửa đất số 12, 13, 14 tờ bản đồ số 3, thị trấn Đ, có vị trí bên trong, không tiếp giáp đường giao thông.

3. Kết luận

3.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q làm chủ đầu tư trên địa bàn thị trấn Đ, xã Đ, xã H, xã Đ, huyện Đ.

3.2. Kết luận:

3.2.1 Đối với nội dung ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H đối với việc ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H. Cụ thể: Yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 10.000.000 đồng/m² đối với diện tích đất thu hồi khoảng 8.831m², đất tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc dự án Đường T là khiếu nại sai. Bởi vì: Ông Trần Quang H được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/06/2006, đất gồm 5 thửa đất. Thửa số 1, diện tích 10.352m², loại đất trồng lúa; Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.122m², loại đất ở đô thị; Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.684m², loại đất trồng lúa; Thửa số 13, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.391m² loại đất trồng lúa; Thửa số 14, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.181m² loại đất trồng lúa.

Theo bản đồ địa chính được duyệt và mãnh trích đo địa chính số 01-2022 dự án ĐT.823D (kèm theo bảng thống kê diện tích đất) thì vị trí đất bị thu hồi của ông Trần Quang H thể hiện như sau các thửa đất đều bị thu hồi một phần thửa:

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.916m² có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét. Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.802m² có vị trí bên trong.

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.978m² có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét.

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 204m² có vị trí trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét.

- Thửa số 12, diện tích 636m²; Thửa số 13, diện tích 192m²; Thửa số 14, diện tích 103m² có vị trí bên trong.

Tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H, trong đó bồi thường giá trị QSDĐ đối với các thửa đất đúng theo Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ để thực hiện Dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D, với đơn giá cụ thể như sau:

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích $3.916m^2$ là $4.582.200$ đồng/ m^2 (giá đất $1.050.000$ đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 4,365); diện tích $1.802m^2$ là 849.045 đồng/ m^2 (giá đất 115.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích $1.978m^2$ là $3.362.100$ đồng/ m^2 (giá đất 210.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 16,010);

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích $204m^2$ là $3.362.100$ đồng/ m^2 (giá đất 210.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 16,010);

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích $636m^2$ là 849.045 đồng/ m^2 (giá đất 115.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 13, tờ bản đồ số 3, diện tích $192m^2$ là 849.045 đồng/ m^2 (giá đất 115.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 14, tờ bản đồ số 3, diện tích $103m^2$ là 849.045 đồng/ m^2 (giá đất 115.000 đ/ m^2 nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

Tuy nhiên, ngày 05/12/2022, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 11461/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ tại Điều 1 Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D phê duyệt **hệ số điều chỉnh giá đất** trên địa bàn **thị trấn Đ**: vị trí trong phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường giao thông đá xanh, sỏi đỏ có nền đường ≥ 03 mét, hệ số là 16,010 thành hệ số 17,095.

3.2.2 Về trình tự thủ tục

Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu được quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và thẩm quyền giải quyết khiếu nại đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Ngày 03/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 7002/QĐ-UBND: Bác nội dung đơn của ông Trần Quang H khiếu nại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H. Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Quang H.

III. Quan điểm giải quyết:

Đề nghị TAND tỉnh Long An xem xét bác đơn khởi kiện của ông Trần Quang H về việc yêu cầu TAND tỉnh Long An hủy Quyết định 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Quang H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 114/2024/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32; Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 21, Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

Áp dụng Khoản 3 Điều 66, điểm d, Khoản 3, Điều 69, Điều 71 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1, Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND tỉnh L về việc “yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Trần Quang H yêu cầu hủy:

- Quyết định Quyết định số: 3623/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông Trần Quang H tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;

- Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H;

- Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND Huyện Đ, Tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H;

- Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất;

- Quyết định số 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần 2;

- Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2024, người khởi kiện là ông Trần Quang H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn bộ và khách quan vụ việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy các quyết định trái pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L. Đề nghị người có thẩm quyền xem xét bãi bỏ các văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trái quy định. Nếu Hội đồng xét xử không sửa bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Thực hiện dự án làm đường ĐT.823D tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 22/8/2022 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3623/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 8.831m² của ông Trần Quang H thuộc các thửa 03, 01 tờ bản đồ số 4 và thửa số 14, 13, 12 cùng tờ bản đồ số 3 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông H. Về căn cứ thu hồi đất và giá bồi thường năm 2020, năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh L ban hành 07 Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án ĐT.823D, Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh L thể hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D là 106ha, quỹ đất sạch đầu tư ĐT.823D là 56,8ha và phát triển dân cư đô thị dọc 02 bên tuyến đường ĐT.823D là 49,2ha. Căn cứ Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An cho phép đoạn hết ranh Khu công nghiệp N đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m). Quyết định số 9671 ngày 04/10/2021 và Quyết định số 1378 ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh L nêu rõ: Đoạn hết ranh Khu công nghiệp N đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m). Vì vậy người khởi kiện cho rằng UBND huyện Đ thu hồi mặt cắt ngang 80m không theo kế hoạch được duyệt của dự án đường ĐT.823D chỉ có 40m là không có căn cứ. Nhận thấy các thửa 03, 01 cùng

tờ bản đồ số 4 và các thửa 12, 13, 14 cùng tờ bản đồ số 3 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An chủ sử dụng đất là ông Trần Quang H thuộc dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D, UBND huyện Đ căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013 thu hồi đất để phục vụ mục đích phát triển kinh tế, xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 16, Điều 62 và khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 do đó giá đất bồi thường theo quy định. Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An, Quyết định số: 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng thuộc dự án Giải phóng mặt bằng ĐT.823D, Quyết định số 11461/QĐ-UBND Ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ tại Điều 1 Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh L, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H với tổng số tiền là 26.380.194.375 đồng, Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H (“Quyết định bồi thường bổ sung 4102”) và B1 chiết tính bổ sung kèm theo, với nội dung bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H với số tiền là 1.764.388.500 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 66 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy UBND huyện Đ áp giá bồi thường diện tích đất thu hồi của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật do đó Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất của ông H là đúng quy định của pháp luật. Xét Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất số 3626/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 ông H là người có đất bị thu hồi đã được vận động thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng nên Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 880 ngày 17/01/2024 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với ông Trần Quang H là đúng quy định, phù hợp với Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Đất đai năm 2013. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Trần Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Ngày 18/8/2023, ông Trần Quang H nộp đơn khởi kiện đối với các Quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, bồi thường hỗ trợ bổ sung của UBND huyện Đ; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh L. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”. Các Quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại Điều 3, 30, 32, 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, về xét xử vắng mặt như nhận định bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại dự án DT.823D đây là dự án đầu tư công. Do ngân sách Nhà nước chi trả để thực hiện dự án trên. Hội đồng nhân dân tỉnh L đã ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số: 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2020, Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 26/02/2021; Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 26/02/2021; Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 26/02/2021; Nghị quyết số: 65/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh L; Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; Quyết định số 4847/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh L, diện tích ông Trần Quang H bị thu hồi gồm: Một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.718m², loại đất lúa; một phần thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.978m², loại đất ở đô thị; một phần thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 840m², loại đất lúa; một phần thửa số 13, tờ bản đồ số 3, diện tích 192m² loại đất lúa; một phần thửa số 14, tờ bản đồ số 3, diện tích 103m² loại đất lúa.

Ngày 22/8/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3944/QĐ-UBND về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H, số tiền 26.380.194.375 đồng (bao gồm: đất ở, đất nông nghiệp, nhà ở, công trình, vật kiến trúc và cây trồng).

Ngày 24/7/2023, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 4102/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H, số tiền 1.764.388.500 đồng.

[2.2] Xét thấy, ông Trần Quang H được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/06/2006, gồm các thửa đất:

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 10.352m², loại đất trồng lúa; tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ có vị trí tiếp giáp đường 5 Trà (đường đất);

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.122m², loại đất ở đô thị; tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ có vị trí giáp tiếp đường đất;

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.684m², loại đất trồng lúa; tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ có vị trí phía trong, không tiếp giáp đường đất;

- Thửa số 13, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.391m² loại đất trồng lúa; tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ có vị trí phía trong, không tiếp giáp đường đất;

- Thửa số 14, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.181m² loại đất trồng lúa; tọa lạc khu phố E, thị trấn Đ có vị trí phía trong, không tiếp giáp đường đất.

Căn cứ Mạnh trích đo địa chính số 01-2022 dự án ĐT.823D (kèm theo bảng thống kê diện tích đất) vị trí đất bị thu hồi của ông Trần Quang H thể hiện các thửa đất nói trên của ông H bị thu hồi một phần thửa:

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.916m² (thu hồi một phần thửa), loại đất LUC; có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét.

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.802m², loại đất LUC; có vị trí bên trong.

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.978m², loại đất ODT; có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét.

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 204m², loại đất LUC; có vị trí trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét.

- Thửa số 12, diện tích 636m², loại đất LUC; có vị trí bên trong.

- Thửa số 13, diện tích 192m², loại đất LUC; có vị trí bên trong.

- Thửa số 14, diện tích 103m², loại đất LUC; có vị trí bên trong.

Với đơn giá cụ thể:

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.916m² loại đất LUC; có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét, với giá bồi thường là 4.582.200 đồng/m² (giá đất 1.050.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 4,365);

- Thửa số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.802m², loại đất LUC; có vị trí bên trong, với giá bồi thường là 849.045 đồng/m² (giá đất 115.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.978m², loại đất ODT; có vị trí phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét, với giá bồi thường là 3.362.100 đồng/m² (giá đất 210.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 16,010);

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 204m², loại đất LUC; có vị trí trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất có vị trí tiếp giáp đường giao thông đá xanh có nền đường \geq 03 mét, với giá bồi thường là 3.362.100 đồng/m² (giá đất 210.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 16,010);

- Thửa số 12, tờ bản đồ số 3, diện tích 636m², loại đất LUC; có vị trí bên trong, với giá bồi thường là 849.045 đồng/m² (giá đất 115.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 13, tờ bản đồ số 3, diện tích 192m², loại đất LUC; có vị trí bên trong, với giá bồi thường là 849.045 đồng/m² (giá đất 115.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

- Thửa số 14, tờ bản đồ số 3, diện tích 103m², loại đất LUC; có vị trí bên trong, với giá bồi thường là 849.045 đồng/m² (giá đất 115.000 đ/m² nhân hệ số điều chỉnh 7,383);

Theo quy định tại khoản 2, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Và tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất, cụ thể như sau: “Căn cứ nguyên tắc định giá đất quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai, phương pháp định giá đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể”.

Việc áp giá trên căn cứ theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 và Quyết định số 11461/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ để thực hiện Dự án giải phóng mặt bằng ĐT.823D.

Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án trên đã áp giá và thẩm định để trình UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Trần Quang H, số tiền 26.380.194.375 đồng và Quyết định số: 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Đ về việc bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H, số tiền 1.764.388.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và so với bảng giá 05 năm trên địa bàn tỉnh Long An là cao hơn.

[2.3] Người khởi kiện cho rằng việc UBND huyện Đ thu hồi đất ngang mặt cắt 80m trong khi theo kế hoạch được duyệt của dự án đường tỉnh 823D chỉ có

40m là vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến đền bù không đúng về giá trị đất theo thị trường.

Xét thấy, căn cứ vào Quyết định 9671 ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh L tại Điều 1 phê quyết phạm vi giải phóng mặt bằng được duyệt theo Quyết định số 4065 ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh đoạn từ Km + 50 đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m); Đoạn hết ranh Khu công nghiệp N đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m); Quyết định 1378 ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh L tại khoản 9 nêu rõ: Đoạn hết ranh Khu công nghiệp N đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m). Các quyết định của UBND tỉnh phù hợp Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An cho phép đoạn hết ranh Khu công nghiệp N đến cuối tuyến phạm vi giải phóng mặt bằng là 80m (từ tim thiết kế ra mỗi bên 40m).

[2.4] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại:

Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L giải quyết khiếu nại đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 và Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Như đã phân tích việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất UBND huyện Đ đối với trường hợp của ông Trần Quang H là đúng quy định của pháp luật. Cho nên Chủ tịch UBND huyện Đ không chấp nhận khiếu nại của ông H và Chủ tịch UBND tỉnh L bác khiếu nại giữ nguyên các quyết của Chủ tịch UBND huyện Đ là có căn cứ.

[2.5] Đối với quyết định cưỡng chế:

Do ông H không thực hiện giao đất theo quyết định của UBND huyện dù đã được vận động nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện R quyết định cưỡng chế là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quang H là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Quang H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32; Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Áp dụng khoản 3 Điều 66, điểm d, khoản 3, Điều 69, Điều 71 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1, Điều 15 Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang H đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND tỉnh L về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Trần Quang H yêu cầu hủy:

- Quyết định Quyết định số: 3623/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông Trần Quang H tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;

- Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND huyện Đ về việc bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Trần Quang H;

- Quyết định số 4102/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND Huyện Đ, Tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Quang H;

- Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần thứ nhất;

- Quyết định số 7002/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần 2;

- Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005640 ngày 20/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số

0000011 ngày 12/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên